

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân

- 1) Bà Nguyễn Thị Chân
- 2) Bà Nguyễn Thị Nga

- **Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:** Bà Hoàng Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G - Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Vượng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/HSST, ngày 22 tháng 01 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BVT**, sinh năm 1990 tại YB; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐH, xã TH, huyện YB, tỉnh YB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông BVN (đã chết), con bà LTT, sinh năm 1953; Gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là con thứ 9. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Theo danh chỉ bản số 000000540 lập ngày 10/11/2023 tại Công an huyện G và lý lịch bị can thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 01/11/2023 đến ngày 10/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông LQĐ, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/11/2023, BVT và VVU ăn cơm ở lán trọ tại Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, thành phố H xong thì T nhờ U điều khiển xe máy BKS 21B1 – 951.24 chở T đi đến khu vực LN, HM, H để lấy ít đồ thì U đồng ý. Khi đến nơi, T gặp và hỏi mua 02 gói ma túy loại Heroine với giá 400.000 đồng của một người đàn ông lạ mặt. Sau khi mua được ma túy, T cầm ma túy trong lòng bàn tay phải, T không nói với U việc T mua ma túy, sau đó T bảo U chở về lán trọ ở thị trấn T, G, H. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Khi T và U đi về khu vực trạm điện đường TT, T, G thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ của BVT: 02 gói giấy có dòng kẻ màu trắng, bên trong đều chứa chất bột màu trắng.

01 xe máy kiểm dáng Honda Wave màu xanh đen, BKS 21B1 – 951.24 số máy 1148718, số khung 286881, xe đã qua sử dụng.

01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu đen, bên trong có lắp sim số 0369683661, đã qua sử dụng.

Vật chứng thu giữ của VVU: 01 điện thoại di động có chữ Redmi, màu xanh, bên trong lắp sim số 0936237415, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 7432/KL-KTHS ngày 11/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: “Chất bột màu trắng bên trong 02 gói giấy màu trắng có dòng kẻ đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng 0,352 gam”.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSGL ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo BVT phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo BVT khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện G sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo BVT phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt BVT từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2023.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo BVT vì bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về tang vật: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,352 gam ma túy loại Heroine.

Trả lại bị cáo BVT chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu đen, bên trong lắp sim số 0369683661, đã qua sử dụng thu giữ của BVT, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

BVT thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo BVT sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, bị cáo thừa nhận có tội và thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

- Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý hoàn toàn đồng ý với nội dung bản cáo trạng và không có ý kiến gì tranh luận. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo là người dân tộc Dao nên phần nào hiểu biết pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn so với mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo BVT: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử của Tòa án huyện G, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo BVT:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 23 giờ 00 ngày 01/11/2023, tại khu vực phố TT, T, G, H, bị cáo BVT đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,352gam ma túy loại Heroine để sử dụng thì bị cơ quan Công an bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi phạm tội của bị cáo BVT đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo BVT về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt trong tình hình hiện nay, tệ nạn ma túy đang là vấn đề nhức nhối của xã hội, ma túy gây ảnh hưởng tới sự phát triển lành mạnh của con người, làm hủy hoại sức khỏe, giảm khả năng lao động và là một trong những nguyên nhân gây ra các tội phạm khác; gây mất trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo biết nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn có hành vi cất giữ trái phép 0,352 gam ma túy loại Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân, khi chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Việc bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo. Bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Do đó hành vi vi phạm của bị cáo cần phải nghiêm trị.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo BVT không có tiền án, tiền sự.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo BVT thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo là người dân tộc Dao và thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, dân tộc Dao không thuộc danh mục là Dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Mặt khác, bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo nên đã được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định Trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Vì vậy, đây không phải là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, không có căn cứ áp dụng cho bị cáo.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời cũng răn đe những đối tượng có ý định phạm tội.

Bị cáo BVT không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy vật chứng bao gồm: 01 phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài có chữ ký của giám định viên PC09 – CATP H, cán bộ CATT T, đương sự BVT. Bên trong chứa 02 (hai) gói giấy có dòng kẻ trắng, bên trong đều chứa chất bột màu trắng là ma túy loại Heroine có khối lượng 0,319 gam (đã trích mẫu 0,033 gam).

* Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu đen, bên trong lắp sim số 0369683661, đã qua sử dụng thu giữ của BVT, T khai nhận T mua bằng tiền do lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy trả lại cho bị cáo BVT chiếc điện thoại này.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng bán ma túy cho BVT, do không xác định được nhân thân nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Chiếc điện thoại di động có chữ Redmi, màu xanh, bên trong lắp sim số 0936237415 đã qua sử dụng thu giữ của VVU, Cơ quan điều tra xác định là tài sản của U do lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội của BVT. Ngày 28/11/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc điện thoại trên cho VVU là đúng quy định của pháp luật.

Chiếc xem máy kiểu dáng Honda Wave màu xanh đen, BKS 21B1 – 951.24 số máy 1148718, số khung 286881 xe đã qua sử dụng, qua điều tra xác minh, xác định chủ sở hữu là chị LTL, sinh năm 1972 ở ĐH, TH, YB, YB là chị dâu của BVT. Ngày 01/11/2023, T sử dụng xe của chị L không nói rõ đi đâu, làm gì. Ngày 28/11/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe trên cho chị L là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí:

Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn đề nghị được miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo BVT phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 106, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án.

Xử phạt: BVT 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2023.

2. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy vật chứng bao gồm: 01 phong bì niêm phong dán kín, bên ngoài có chữ ký của giám định viên PC09 – CATP H, cán bộ CATT T, đương sự

BVT. Bên trong chứa 02 (hai) gói giấy có dòng kẻ trắng, bên trong đều chứa chất bột màu trắng là ma túy loại Heroine có khối lượng 0,319 gam (đã trích mẫu 0,033 gam).

* Trả lại cho bị cáo BVT chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu đen, bên trong lắp sim số 0369683661, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy (Có niêm phong).

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố H, có tình trạng, đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22/01/2024 giữa Công an huyện G và Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố H).

3. Về án phí: Bị cáo BVT được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú
(thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP H;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An TPHN;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện G
- Sở Tư Pháp thành phố H
- Lưu VP, THAHS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc